

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2018

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5
năm 2018 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX-ST ngày 25/7/2018
và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐ-HPT ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc
ly hôn giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, Huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân. (Chị L vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Quách Quang M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, Huyện N, tỉnh Ninh Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Anh M vắng mặt, đã triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 02/5/2018 chị L trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị L kết hôn với anh M vào ngày 9/9/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, Huyện N. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn lý do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là cả hai không tin tưởng nhau về tình cảm. Gia đình hai bên và hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được. Hiện vợ chồng chị L đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng chị có 2 con chung là:

- Quách Quang H, sinh ngày 24/4/2014.
- Quách Thị Linh N, sinh ngày 26/7/2016.

Hiện nay các cháu đang ở với mẹ anh M là bà Nguyễn Thị T. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu Quách Thị Linh N còn anh M nuôi cháu Quách Quang H. Hiện nay chị đang làm ở công ty điện tử ở Bắc Ninh có thu nhập 7 triệu đồng một tháng đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh M: Tại lời khai ngày 8/5/2018, anh M xác định lời khai của chị L về diễn biến hôn nhân và gia đình của vợ chồng anh là đúng. Anh M và chị L đã sống ly thân từ ngày 22/4/2018 không ai quan tâm đến ai, nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn vì anh thương hai con không muốn các cháu mất bố mẹ. Nếu chị L quyết tâm xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn nhưng anh phải được nuôi cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về con chung: Anh M nhất trí như ý kiến của chị L khai về con chung, anh xin

được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L ít quan tâm đến con cái, hiện nay anh ở nhà và làm công việc lắp ráp đám cưới.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh M xác định không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 05 năm 2018 và biên bản hòa giải ngày 26 tháng 06 năm 2018 chị L và anh M vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân và gia đình về con chung tài sản chung, về công nợ chung.

Vào ngày 21/8/2018 chị L có mặt tại phiên tòa, sau khi có quyết định hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử thì chị có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 6/9/2018.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M không thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 5,147, 227, 228, 266, 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 56,58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim L. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Kim L và anh Quách Quang M.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Thị Linh N, sinh ngày 26/7/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giao cháu Quách Quang H, sinh ngày 24/4/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đồng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Trần Thị Kim L và anh Quách Quang M. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị L, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Đến ngày 25/7/2018 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L và anh Quách Quang M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 9/9/2013 là Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L và anh M về chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh M ở Thôn Đ, xã L, nhưng cả hai đi làm công nhân ở công ty. Sau đó anh M bỏ việc và làm nghề tự do. Thời gian sống hạnh phúc của chị L và anh M được gần 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tòa án nhân dân huyện N đã nhiều lần hòa giải để hai người về đoàn tụ, dù vậy chị L vẫn kiên quyết ly hôn với anh M, còn anh M xin đoàn tụ vợ chồng với lý do là vì các con. Nhưng anh M không có biểu hiện tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chứng M việc anh muốn đoàn tụ với chị L.

Từ đời sống tình cảm của vợ chồng chị L và anh M, xét khả năng đoàn tụ của hai người thực sự không còn, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Xử lý hôn giữa chị L và anh M là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế chị L hiện nay là

công nhân của công ty điện tử ở Bắc Ninh, thu nhập lương mỗi tháng 7 triệu đồng có đủ điều kiện nên cần giao con chung là Quách Thị Linh N, sinh ngày 26/7/2016 cho chị L nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Đối với yêu cầu nuôi 2 con chung của anh M thì điều kiện thực tế hiện nay sau khi anh bỏ việc ở công ty, anh M là lao động tự do, từ kết quả xác M ngày 22/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L thì anh M không có nghề dịch vụ đám cưới, nếu giao cả hai con chung cho anh M nuôi dưỡng thì sẽ gặp Nều khó khăn về điều kiện chăm sóc và học tập của con chung. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu nuôi cả hai con chung của anh M, mà chỉ giao 1 con chung là cháu Quách Quang H, sinh ngày 24/4/2014 cho anh M nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc giao cho chị L và anh M mỗi người nuôi một con và điều kiện về kinh tế của hai người thì việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra việc giải quyết. Chị L và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. (Áp dụng các Điều 56,58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị L và anh M xác định không có nên không giải quyết về tài sản và công nợ chung.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của Pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp được c Hển sang án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Kim L và anh Quách Quang M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Quách Thị Linh N, sinh ngày 26/7/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; giao con chung là cháu Quách Quang H, sinh ngày 24/4/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến

khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung, về công nợ chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ, chị L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000777 ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị L và anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Huyện N
- THADS Huyện N;
- UBND xã L;
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Minh Lực

